

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013  
đã được soát xét*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét</b>	<b>5 – 32</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 – 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 18.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực tế của Công ty đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 27.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 32).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên
Bà Tô Thanh Huyền	Ủy viên
Ông Chu Xuân Kiên	Ủy viên
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nghiêm Xuân Thụy	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2013
Bà Tô Thanh Huyền	Phó Giám đốc phụ trách Công ty	Bỏ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2013
Ông Phạm Văn Vinh	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Minh Đức	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2013
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

**TM. Ban Giám đốc**  
**Phó Giám đốc phụ trách**



**Tô Thanh Huyền**

Số: 251/2013/BCSX-AASCN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
về Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được lập ngày 08 tháng 8 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy một số khoản chi phí lãi vay, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đã phát sinh trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 với số tiền là 3.810.599.153 đồng đang được phản ánh trên khoản mục "Chi phí trả trước ngắn hạn" mà không kết chuyển vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**Kiểm toán viên**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

**Headquarters**

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \* Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn \* Web: www.aascn.com.vn

4

**Branch in Hanoi**

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \* Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.982.648.578</b>	<b>94.991.963.074</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.029.689.979</b>	<b>14.578.370.066</b>
1.	Tiền	111	V.01	1.029.689.979	14.578.370.066
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.665.469.044</b>	<b>42.853.260.503</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		4.583.327.250	41.114.295.142
2.	Trả trước cho người bán	132		799.945.351	939.685.096
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.282.196.443	802.403.330
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	(3.123.065)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>45.404.743.281</b>	<b>37.231.561.949</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	45.404.743.281	37.231.561.949
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.882.746.274</b>	<b>328.770.556</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	3.885.106.730	28.181.507
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		486.862.338	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	56.875.153	56.875.153
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		453.902.053	243.713.896

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.467.242.176</b>	<b>25.468.500.858</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>44.380.000</b>	<b>71.680.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.06	44.380.000	71.680.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.181.601.629</b>	<b>10.449.520.811</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	6.732.247.397	7.993.021.158
	- Nguyên giá	222		41.177.490.093	43.330.259.775
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34.445.242.696)	(35.337.238.617)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	61.698.632	68.844.053
	- Nguyên giá	228		95.000.000	725.600.764
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(33.301.368)	(656.756.711)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	2.387.655.600	2.387.655.600
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>8.053.054.286</b>	<b>8.218.282.802</b>
1.	Nguyên giá	241		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(208.371.517)	(43.143.001)
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.200.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.11	3.000.000.000	3.000.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.200.000.000	1.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.988.206.261</b>	<b>2.729.017.245</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	2.988.206.261	2.729.017.245
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>82.449.890.754</b>	<b>120.460.463.932</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>53.545.028.592</b>	<b>91.576.325.583</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>49.007.364.321</b>	<b>86.141.721.087</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	42.571.906.279	54.197.729.513
2.	Phải trả người bán	312		2.788.183.356	7.128.688.013
3.	Người mua trả tiền trước	313		5.007.599	24.208.490
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	1.922.140.185	19.521.106.190
5.	Phải trả người lao động	315		147.998.580	1.534.116.720
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	1.473.000	482.254.801
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	1.567.209.569	3.238.471.607
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.445.753	15.145.753
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.537.664.271</b>	<b>5.434.604.496</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		1.065.258.273	853.753.786
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		17.782.142	576.973.978
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.18	3.454.623.856	3.915.240.368
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	88.636.364
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>28.904.862.162</b>	<b>28.884.138.349</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>28.904.862.162</b>	<b>28.884.138.349</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	18.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	21.088.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	8.805.595.673
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.863.277.098	1.863.277.098
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.585.064	194.177.578
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>82.449.890.754</b>	<b>120.460.463.932</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)****CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		133.833.648	130.710.583
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**Kế toán trưởng****Trần Thị Hoàng Liên**

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2013

**Phó Giám đốc phụ trách****Tô Thanh Huyền**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	19.885.646.720	32.581.944.645
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	5.576.066.436	5.611.225.436
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.03	<b>14.309.580.284</b>	<b>26.970.719.209</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	11.418.870.827	23.554.794.730
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>2.890.709.457</b>	<b>3.415.924.479</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	79.103.631	50.660.218
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	502.717.782	595.697.514
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		502.717.782	595.697.514
8.	Chi phí bán hàng	24		826.039.384	994.224.631
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.305.392.060	1.454.361.228
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>335.663.862</b>	<b>422.301.324</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	3.897.962.278	514.374
12.	Chi phí khác	32	VI.08	4.192.041.076	15.183.385
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(294.078.798)</b>	<b>(14.669.011)</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>41.585.064</b>	<b>407.632.313</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	18.647.337
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>41.585.064</b>	<b>388.984.976</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Phó Giám đốc phụ trách



Tô Thanh Huyền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		58.056.184.882	48.048.094.194
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(24.934.413.272)	(29.048.472.142)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.594.787.968)	(3.457.626.789)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(2.790.380.346)	(2.987.336.457)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		-	(700.974.997)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		650.147.304	1.634.227.599
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.501.394.672)	(15.448.730.440)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.114.644.072)</b>	<b>(1.960.819.032)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(225.299.091)	(762.816.043)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(200.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77.702.822	50.660.218
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(347.596.269)</b>	<b>(712.155.825)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		30.576.636.263	34.739.519.627
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.663.076.009)	(33.424.988.673)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.086.439.746)</b>	<b>1.314.530.954</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(13.548.680.087)</b>	<b>(1.358.443.903)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>14.578.370.066</b>	<b>2.269.931.309</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1.029.689.979</b>	<b>911.487.406</b>

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2013

Phó Giám đốc phụ trách



Tô Thanh Huyền

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật liệu và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở;
- Kinh doanh lữ đoàn nội địa, lữ hành quốc tế, các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát Karaoke);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, đồ uống có cồn, lương thực, thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm, thủ công mỹ nghệ, hàng nhựa, hàng may mặc, hàng tiêu dùng;
- Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền sản xuất, nước giải khát có gas;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở;
- Sản xuất, mua bán, chế biến, ký gửi hàng nông, lâm, thủy sản;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, hải sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản, mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 hàng năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Năm 2012, năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Công ty thực hiện thay đổi năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là kỳ kế toán 6 tháng đầu của năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Công ty.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### **03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
- TSCĐ hữu hình khác	8 - 12 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	8 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn (theo thời gian sử dụng)	21 năm
- Phần mềm máy vi tính	8 năm

Trong kỳ, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, đối với các tài sản cố định có nguyên giá từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng Công ty đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định thì giá trị còn lại của các tài sản này ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

**04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

---

#### 06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Trả trước tiền thuê đất;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

#### 07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### 09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)*****Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	648.150.817	1.300.438.732
- Tiền gửi ngân hàng	381.539.162	13.277.931.334
<b>Cộng</b>	<b><u>1.029.689.979</u></b>	<b><u>14.578.370.066</u></b>

**02. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	20.437.452
- Phải thu người lao động	-	16.546.595
- Phải thu khác	1.282.196.443	765.419.283
<b>Cộng</b>	<b><u>1.282.196.443</u></b>	<b><u>802.403.330</u></b>

**03. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	694.858.500	-
- Nguyên liệu, vật liệu	8.616.942.878	8.906.713.288
- Công cụ, dụng cụ	383.275.780	394.768.553
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.808.407.489	17.860.933.413
- Thành phẩm	7.312.950.368	8.010.439.208
- Hàng hoá	1.324.855.970	1.241.292.273
- Hàng gửi đi bán	263.452.296	817.415.214
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>45.404.743.281</u></b>	<b><u>37.231.561.949</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay, chi phí bán hàng, chi phí quản lý chờ kết chuyển	3.810.599.153	-
- Chi phí mua các loại bảo hiểm	-	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	74.507.577	28.181.507
<b>Cộng</b>	<b><u>3.885.106.730</u></b>	<b><u>28.181.507</u></b>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	56.875.153	56.875.153
<b>Cộng</b>	<b><u>56.875.153</u></b>	<b><u>56.875.153</u></b>

**06. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
- Phải thu dài hạn khác	44.380.000	71.680.000
<b>Cộng</b>	<b><u>44.380.000</u></b>	<b><u>71.680.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>11.117.282.495</i>	<i>27.216.121.995</i>	<i>3.175.314.158</i>	<i>822.733.105</i>	<i>998.808.022</i>	<i>43.330.259.775</i>
- Mua trong kỳ	67.000.000	101.936.364	-	56.362.727	-	225.299.091
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(431.971.249)	(219.850.548)	(96.213.406)	-	(748.035.203)
- Giảm khác	(210.456.264)	(820.075.672)	(43.876.804)	(453.980.921)	(101.643.909)	(1.630.033.570)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>10.973.826.231</i>	<i>26.066.011.438</i>	<i>2.911.586.806</i>	<i>328.901.505</i>	<i>897.164.113</i>	<i>41.177.490.093</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>8.942.175.932</i>	<i>22.781.813.854</i>	<i>2.054.984.820</i>	<i>622.572.155</i>	<i>935.691.856</i>	<i>35.337.238.617</i>
- Khấu hao trong kỳ	116.388.250	802.793.611	99.298.086	35.404.198	23.680.026	1.077.564.171
- Phân loại lại hao mòn	15.883.922	-	-	(15.883.922)	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(273.198.751)	(219.850.548)	(73.983.406)	-	(567.032.705)
- Giảm khác	(203.469.836)	(739.074.343)	(41.163.252)	(334.073.366)	(84.746.590)	(1.402.527.387)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>8.870.978.268</i>	<i>22.572.334.371</i>	<i>1.893.269.106</i>	<i>234.035.659</i>	<i>874.625.292</i>	<i>34.445.242.696</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>2.175.106.563</i>	<i>4.434.308.141</i>	<i>1.120.329.338</i>	<i>200.160.950</i>	<i>63.116.166</i>	<i>7.993.021.158</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>2.102.847.963</i>	<i>3.493.677.067</i>	<i>1.018.317.700</i>	<i>94.865.846</i>	<i>22.538.821</i>	<i>6.732.247.397</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 6.880.885.007 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>11.117.282.495</i>	<i>27.216.121.995</i>	<i>3.175.314.158</i>	<i>822.733.105</i>	<i>998.808.022</i>	<i>43.330.259.775</i>
- Mua trong kỳ	67.000.000	101.936.364	-	56.362.727	-	225.299.091
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(431.971.249)	(219.850.548)	(96.213.406)	-	(748.035.203)
- Giảm khác	(210.456.264)	(820.075.672)	(43.876.804)	(453.980.921)	(101.643.909)	(1.630.033.570)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>10.973.826.231</i>	<i>26.066.011.438</i>	<i>2.911.586.806</i>	<i>328.901.505</i>	<i>897.164.113</i>	<i>41.177.490.093</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>8.942.175.932</i>	<i>22.781.813.854</i>	<i>2.054.984.820</i>	<i>622.572.155</i>	<i>935.691.856</i>	<i>35.337.238.617</i>
- Khấu hao trong kỳ	116.388.250	802.793.611	99.298.086	35.404.198	23.680.026	1.077.564.171
- Phân loại lại hao mòn	15.883.922	-	-	(15.883.922)	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(273.198.751)	(219.850.548)	(73.983.406)	-	(567.032.705)
- Giảm khác	(203.469.836)	(739.074.343)	(41.163.252)	(334.073.366)	(84.746.590)	(1.402.527.387)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>8.870.978.268</i>	<i>22.572.334.371</i>	<i>1.893.269.106</i>	<i>234.035.659</i>	<i>874.625.292</i>	<i>34.445.242.696</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>2.175.106.563</i>	<i>4.434.308.141</i>	<i>1.120.329.338</i>	<i>200.160.950</i>	<i>63.116.166</i>	<i>7.993.021.158</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>2.102.847.963</i>	<i>3.493.677.067</i>	<i>1.018.317.700</i>	<i>94.865.846</i>	<i>22.538.821</i>	<i>6.732.247.397</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 6.880.885.007 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>255.498.856</b>	<b>252.000.000</b>	<b>183.101.908</b>	<b>35.000.000</b>	<b>725.600.764</b>
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(255.498.856)	(252.000.000)	(113.101.908)	-	(620.600.764)
- Giảm khác	-	-	(10.000.000)	-	(10.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>60.000.000</b>	<b>35.000.000</b>	<b>95.000.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>254.267.238</b>	<b>252.000.000</b>	<b>149.991.210</b>	<b>498.263</b>	<b>656.756.711</b>
- Khấu hao trong kỳ	1.231.618	-	3.016.683	2.187.498	6.435.799
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(255.498.856)	(252.000.000)	(113.891.274)	-	(621.390.130)
- Giảm khác	-	-	(8.501.012)	-	(8.501.012)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.615.607</b>	<b>2.685.761</b>	<b>33.301.368</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>1.231.618</b>	<b>-</b>	<b>33.110.698</b>	<b>34.501.737</b>	<b>68.844.053</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29.384.393</b>	<b>32.314.239</b>	<b>61.698.632</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
- Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
- Công trình 323 Vĩnh Hưng	484.304.545	484.304.545
<b>Cộng</b>	<b><u>2.387.655.600</u></b>	<b><u>2.387.655.600</u></b>

**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

<b>Khoản mục</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>8.261.425.803</b>	-	-	<b>8.261.425.803</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>43.143.001</b>	<b>165.228.516</b>	-	<b>208.371.517</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	43.143.001	165.228.516	-	208.371.517
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>8.218.282.802</b>	-	<b>165.228.516</b>	<b>8.053.054.286</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.218.282.802	-	165.228.516	8.053.054.286
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-

Giá trị bất động sản đầu tư là xưởng sản xuất nhựa tại cụm Công nghiệp Thực phẩm Hapro.

**11. Đầu tư vào công ty con**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty TNHH MTV Rượu vang Thăng Long		3.000.000.000		3.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>3.000.000.000</u></b>		<b><u>3.000.000.000</u></b>

**12. Đầu tư dài hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>1.000.000.000</b>		<b>1.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>200.000.000</b>		-
- Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	20.000	200.000.000		-
<b>Cộng</b>	<b>120.000</b>	<b><u>1.200.000.000</u></b>	<b>100.000</b>	<b><u>1.000.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	664.992.217	383.507.481
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.323.214.044	2.345.509.764
<b>Cộng</b>	<b>2.988.206.261</b>	<b>2.729.017.245</b>

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- <b>Vay ngắn hạn</b>	<b>42.571.906.279</b>	<b>54.197.729.513</b>
- <b>Vay ngân hàng</b>	<b>23.354.164.516</b>	<b>33.451.644.701</b>
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Tây Hồ <sup>(a)</sup>	4.661.986.786	9.702.820.939
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát triển Việt Nam - Hai Bà Trưng <sup>(b)</sup>	10.759.996.081	11.519.890.833
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	6.256.882.858
+ Ngân hàng TMCP Đông Á <sup>(c)</sup>	5.932.181.649	4.033.186.731
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội <sup>(d)</sup>	2.000.000.000	1.938.863.340
- <b>Vay đối tượng khác<sup>(e)</sup></b>	<b>19.217.741.763</b>	<b>20.746.084.812</b>
+ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	-	7.700.000.000
+ Công ty TNHH MTV TM & DV Trảng Thi	3.000.000.000	-
+ Các cá nhân	16.217.741.763	13.046.084.812
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>42.571.906.279</b>	<b>54.197.729.513</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội để mua nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại kho 191 Lạc Long Quân và Quyền sử dụng đất tại 343 đường Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát triển Việt Nam - Hai Bà Trưng để mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 07 xe ô tô và 03 xe nâng hàng.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á để mua nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội và thế chấp bằng tài sản cố định là tank, téc inox.

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội để mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

(e) Khoản vay đối tượng khác để mua nguyên vật liệu. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	5.038.121.074
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	127.306.151
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	215.719.939	10.927.037.708
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	115.732.865
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	25.533.722	14.707.302
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.680.886.524	3.298.201.090
<b>Cộng</b>	<b>1.922.140.185</b>	<b>19.521.106.190</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí vận chuyển	-	350.190.000
- Trích trước tiền xăng xe tháng 12/2012	-	53.744.801
- Trích trước tiền khám bệnh định kỳ	1.473.000	35.000.000
- Trích trước tiền thuê kho và xử lý rác thải tháng 12/2012	-	43.320.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.473.000</u></b>	<b><u>482.254.801</u></b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	49.394.841	94.624.841
- Bảo hiểm xã hội	131.811.228	31.486.167
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.386.003.500	3.112.360.599
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền vốn hỗ trợ bán hàng bình ổn giá</i>	-	2.000.000.000
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền lãi vay</i>	-	175.260.093
+ <i>Phải trả Công ty Sanmiguel</i>	764.344.350	-
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	621.659.150	937.100.506
<b>Cộng</b>	<b><u>1.567.209.569</u></b>	<b><u>3.238.471.607</u></b>

**18. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b><u>3.454.623.856</u></b>	<b><u>3.915.240.368</u></b>
Ngân hàng Công thương VN - Sở GD 1 <sup>(a)</sup>	3.454.623.856	3.915.240.368
<b>Cộng</b>	<b><u>3.454.623.856</u></b>	<b><u>3.915.240.368</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 để xây dựng nhà xưởng tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản Quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác hình thành trên đất tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>18.000.000.000</b>	-	<b>(11.800.000)</b>	<b>9.302.676.377</b>	<b>1.974.953.440</b>	<b>3.702.701.237</b>	<b>32.968.531.054</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(2.396.360.572)	(2.396.360.572)
Tăng khác	-	21.088.000	11.800.000	-	-	-	32.888.000
Hủy tạm PP lợi nhuận năm 2011	-	-	-	(515.528.118)	(122.744.790)	1.055.605.194	417.332.286
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	-	18.447.414	11.068.448	(368.948.281)	(339.432.419)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(1.798.820.000)	(1.798.820.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>21.088.000</b>	-	<b>8.805.595.673</b>	<b>1.863.277.098</b>	<b>194.177.578</b>	<b>28.884.138.349</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>(21.088.000)</b>	-	<b>(8.805.595.673)</b>	-	<b>(173.316.327)</b>	-
Tăng vốn điều lệ từ các quỹ, lợi nhuận sau thuế	9.000.000.000	(21.088.000)	-	(8.805.595.673)	-	(173.316.327)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	41.585.064	41.585.064
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận bổ sung	-	-	-	-	-	(20.861.251)	(20.861.251)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>27.000.000.000</b>	-	-	-	<b>1.863.277.098</b>	<b>41.585.064</b>	<b>28.904.862.162</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	7.200.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	16.200.000.000	10.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	9.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**e. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	1.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	3.272.991.862	7.406.398.872
- Doanh thu bán thành phẩm	15.776.927.080	24.834.443.343
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	721.182.323	341.102.430
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	114.545.455	-
<b>Cộng</b>	<b>19.885.646.720</b>	<b>32.581.944.645</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Chiết khấu thương mại	1.860.481.833	1.699.526.188
- Hàng bán bị trả lại	1.146.372.622	85.694.934
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.569.211.981	3.826.004.314
<b>Cộng</b>	<b>5.576.066.436</b>	<b>5.611.225.436</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	3.272.991.862	7.406.398.872
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	10.200.860.644	19.223.217.907
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	721.182.323	341.102.430
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	114.545.455	-
<b>Cộng</b>	<b>14.309.580.284</b>	<b>26.970.719.209</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.812.035.381	7.062.453.256
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	7.322.945.328	16.492.341.474
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	189.279.400	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản	94.610.718	-
<b>Cộng</b>	<b>11.418.870.827</b>	<b>23.554.794.730</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.702.822	50.660.218
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.400.809	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>79.103.631</b>	<b>50.660.218</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Lãi tiền vay	502.717.782	595.697.514
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>502.717.782</b>	<b>595.697.514</b>

**07. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Thu thanh lý tài sản, hàng hoá Xưởng Nhựa	3.897.962.278	-
- Thu nhập khác	-	514.374
<b>Cộng</b>	<b>3.897.962.278</b>	<b>514.374</b>

**08. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Giá trị còn lại của tài sản, hàng hoá Xưởng Nhựa	3.903.759.575	-
- Chi phí khác	288.281.501	15.183.385
<b>Cộng</b>	<b>4.192.041.076</b>	<b>15.183.385</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	18.647.337
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>18.647.337</b>

**Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.585.064
Các khoản điều chỉnh tăng	288.281.501
<i>Chi phí phạt hành chính</i>	288.281.501
Các khoản điều chỉnh giảm	2.396.360.572
<i>Chuyển lỗ hoạt động kinh doanh năm trước</i>	2.396.360.572
Thu nhập tính thuế TNDN	(2.066.494.007)
Thuế suất thuế TNDN	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.844.008.457	10.651.093.130
- Chi phí nhân công	4.784.693.181	3.752.014.050
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.249.228.486	1.326.050.443
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.189.871	506.218.419
- Chi phí khác bằng tiền	567.132.130	528.531.082
<b>Cộng</b>	<b>17.988.252.126</b>	<b>16.763.907.124</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ các quỹ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần	9.000.000.000

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
Tiền lương	435.152.649	154.768.322
Tiền thù lao	40.000.000	62.000.000
<b>Cộng</b>	<b>475.152.649</b>	<b>216.768.322</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác****Bên liên quan**

Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long

**Mối quan hệ**

Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
<b>Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long</b>		
- Bán hàng	14.427.529.107	20.029.766.603
- Chiết khấu thương mại	1.146.372.622	1.695.002.763
- Hàng bán trả lại	1.860.481.833	56.201.761

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long</b>		
Phải thu của khách hàng	1.306.085.967	39.796.124.566
Phải thu khác	-	20.437.452

**02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

***Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

***Lĩnh vực kinh doanh***

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì.
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì.
- Dịch vụ: Cho thuê tài sản và dịch vụ khác.
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**Lĩnh vực kinh doanh:**

	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.200.860.644	3.272.991.862	721.182.323	114.545.455	14.309.580.284
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	9.144.358.922	4.396.444.097	318.050.033	115.063.370	13.973.916.422
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.056.501.722	(1.123.452.235)	403.132.290	(517.915)	335.663.862
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	225.299.091	-	-	-	225.299.091
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.004.727.677	322.371.379	71.032.422	11.282.086	1.409.413.564
<b>Số dư cuối kỳ</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	55.047.911.355	17.662.369.106	3.891.787.367	618.132.947	77.220.200.775
- Tài sản không phân bổ					5.229.689.979
<b>Tổng tài sản</b>	<b>55.047.911.355</b>	<b>17.662.369.106</b>	<b>3.891.787.367</b>	<b>618.132.947</b>	<b>82.449.890.754</b>
- Nợ phải trả bộ phận	37.050.935.686	11.887.958.792	2.619.433.869	416.044.923	51.974.373.270
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.655.322
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>37.050.935.686</b>	<b>11.887.958.792</b>	<b>2.619.433.869</b>	<b>416.044.923</b>	<b>53.545.028.592</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.029.689.979	14.578.370.066	1.029.689.979	14.578.370.066
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.583.327.250	41.114.295.142	4.583.327.250	41.111.172.077
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.326.576.443	874.083.330	1.326.576.443	874.083.330
<b>Cộng</b>	<b>6.939.593.672</b>	<b>56.566.748.538</b>	<b>6.939.593.672</b>	<b>56.563.625.473</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	3.853.441.629	7.982.441.799	3.853.441.629	7.982.441.799
Vay và nợ	46.026.530.135	58.112.969.881	46.026.530.135	58.112.969.881
Chi phí phải trả	1.473.000	482.254.801	1.473.000	482.254.801
Các khoản phải trả khác	1.584.991.711	3.815.445.585	1.584.991.711	3.815.445.585
<b>Cộng</b>	<b>51.466.436.475</b>	<b>70.393.112.066</b>	<b>51.466.436.475</b>	<b>70.393.112.066</b>

**04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**05. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	2.788.183.356	1.065.258.273	-	3.853.441.629
Vay và nợ	42.571.906.279	3.454.623.856	-	46.026.530.135
Chi phí phải trả	1.473.000	-	-	1.473.000
Các khoản phải trả khác	1.567.209.569	17.782.142	-	1.584.991.711
<b>Cộng</b>	<b>46.928.772.204</b>	<b>4.537.664.271</b>	-	<b>51.466.436.475</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	7.128.688.013	853.753.786	-	7.982.441.799
Vay và nợ	54.197.729.513	3.915.240.368	-	58.112.969.881
Chi phí phải trả	482.254.801	-	-	482.254.801
Các khoản phải trả khác	3.238.471.607	576.973.978	-	3.815.445.585
<b>Cộng</b>	<b>65.047.143.934</b>	<b>5.345.968.132</b>	-	<b>70.393.112.066</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**06. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**07. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

**08. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Hoàng Liên**

*Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2013*

**Phó Giám đốc phụ trách**



**Tô Thanh Huyền**